Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9106.10.00

Mã HS	9106.10.00
Mô tả hàng hóa	Thiết bị ghi thời gian và các thiết bị dùng để đo, ghi hoặc biểu thị các khoảng thời gian bằng cách khác, kèm theo máy đồng hồ thời gian và đồng hồ cá nhân hoặc kèm theo động cơ đồng bộ (ví dụ, thiết bị chấm công (time-registers), thiết bị ghi thời gian) / - Thiết bị chấm công (time-registers), thiết bị ghi thời gian
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 21:59:27
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/91061000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18325
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18325
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18325
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17648
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17577
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17577
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17577
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17577
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17577
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17577
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17633
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17633
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17633
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17633

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17633
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17633
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17634
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17634
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17634
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17634
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17634
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17634
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17639
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17595
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17591
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17591
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17591
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17591
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17591
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17591
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17637
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17637
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17637
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17637
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17637
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17637
VCFTA	2022	2022	5	VC!D17699
VCFTA	2023	2023	5	VC!E17699
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17699
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17699

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17699
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17699
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17677
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17677
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17677
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17677
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17677
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17677
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17670
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17670
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17670
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17670
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17670
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17670
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17700
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17700
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17700
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17700
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17700
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17700
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17699
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17699
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17699
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17699
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17699
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17699

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17793
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17793
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17793
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17793
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17793
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17793
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17793
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17662
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17662
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17662
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17662
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17662
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17662
RCEP B	2022	2022	0	B!D17662
RCEP B	2023	2023	0	B!E17662
RCEP B	2024	2024	0	B!F17662
RCEP B	2025	2025	0	B!G17662
RCEP B	2026	2026	0	B!H17662
RCEP B	2027	2027	0	B!I17662
RCEP C	2022	2022	0	C!D17660
RCEP C	2023	2023	0	C!E17660
RCEP C	2024	2024	0	C!F17660
RCEP C	2025	2025	0	C!G17660
RCEP C	2026	2026	0	C!H17660
RCEP C	2027	2027	0	C!I17660
RCEP D	2022	2022	0	D!D17659

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17659
RCEP D	2024	2024	0	D!F17659
RCEP D	2025	2025	0	D!G17659
RCEP D	2026	2026	0	D!H17659
RCEP D	2027	2027	0	D!I17659
RCEP E	2022	2022	0	E!D17663
RCEP E	2023	2023	0	E!E17663
RCEP E	2024	2024	0	E!F17663
RCEP E	2025	2025	0	E!G17663
RCEP E	2026	2026	0	E!H17663
RCEP E	2027	2027	0	E!I17663
RCEP F	2022	2022	0	F!D17662
RCEP F	2023	2023	0	F!E17662
RCEP F	2024	2024	0	F!F17662
RCEP F	2025	2025	0	F!G17662
RCEP F	2026	2026	0	F!H17662
RCEP F	2027	2027	0	F!I17662
VIFTA	2024	2024	4,3	VI!F16558
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G16558
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H16558
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I16558

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9106.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 9106.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18325), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.